

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về cơ sở, đối tượng, nội dung, thời gian đào tạo bổ sung và cấp Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung để được coi là tương đương với văn bằng bác sỹ và được cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh với chức danh là bác sỹ theo ngành đào tạo đối với người có văn bằng cử nhân y khoa do nước ngoài cấp.

Điều 2. Cơ sở đào tạo bổ sung

Cơ sở đào tạo bổ sung là cơ sở giáo dục đang đào tạo trình độ đại học ngành tương ứng với ngành đào tạo bổ sung và đáp ứng các yêu cầu sau đây:

1. Đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Có đủ các điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Có cơ sở thực hành đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Nghị định số [111/2017/NĐ-CP](#) ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.
4. Có ít nhất một khóa tốt nghiệp đúng ngành đào tạo bổ sung.

Điều 3. Đối tượng đào tạo bổ sung

Công dân Việt Nam có văn bằng cử nhân y khoa do nước ngoài cấp và được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tương đương trình độ đại học có nhu cầu đào tạo bổ sung để thực hành tại bệnh viện và đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 4. Xác định ngành đào tạo bổ sung

1. Người có văn bằng cử nhân y khoa do nước ngoài cấp được xác định ngành đào tạo bổ sung như sau:

a) Ngành Y khoa đối với người đã hoàn thành chương trình đào tạo cử nhân y khoa do nước ngoài cấp trong đó có tổng khối lượng kiến thức thuộc các môn học/học phần chuyên ngành về lĩnh vực Nội, Ngoại, Sản, Nhi và chuyên khoa hệ Nội, hệ Ngoại chiếm trên 35% tổng khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo.

b) Ngành Răng Hàm Mặt đối với chương trình đào tạo cử nhân y khoa do nước ngoài cấp trong đó có tổng khối lượng kiến thức thuộc các môn học/học phần chuyên ngành về lĩnh vực Răng Hàm Mặt chiếm trên 35% tổng khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo.

c) Ngành Y học cổ truyền đối với chương trình đào tạo cử nhân y khoa do nước ngoài cấp trong đó có tổng khối lượng kiến thức thuộc các môn học/học phần chuyên ngành về lĩnh vực Y học cổ truyền chiếm trên 35% tổng khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo.

2. Trên cơ sở văn bằng cử nhân y khoa và bảng điểm của người có nhu cầu đào tạo bổ sung, Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định ngành đào tạo bổ sung của người đó theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 5. Khối lượng kiến thức, thời gian và nội dung đào tạo bổ sung

1. Đối với ngành Y khoa:

Khối lượng kiến thức tối thiểu và nội dung đào tạo bổ sung là 48 tín chỉ tương ứng với 18 tháng học tập trung, trong đó:

- a) Khối lượng kiến thức chuyên ngành thuộc lĩnh vực Nội, Ngoại, Sản, Nhi: 32 tín chỉ;
- b) Khối lượng kiến thức chuyên khoa hệ nội: 05 tín chỉ;

- c) Khối lượng kiến thức chuyên khoa hệ ngoại: 05 tín chỉ;
- d) Khối lượng kiến thức y học dự phòng và y tế công cộng: 06 tín chỉ.

2. Đối với ngành Răng Hàm Mặt:

Khối lượng kiến thức tối thiểu và nội dung đào tạo bổ sung là 40 tín chỉ tương ứng với 12 tháng học tập trung, trong đó:

- a) Khối lượng kiến thức Nha khoa cơ sở: 06 tín chỉ;
- b) Khối lượng kiến thức Nha khoa phục hồi: 15 tín chỉ;
- c) Khối lượng kiến thức Nha khoa dự phòng: 10 tín chỉ;
- d) Khối lượng kiến thức Bệnh lý và phẫu thuật Miệng - Hàm mặt: 09 tín chỉ.
- e) Khối lượng kiến thức tự chọn thuộc lĩnh vực chuyên ngành Răng Hàm Mặt: 10 tín chỉ

3. Đối với ngành Y học cổ truyền:

Khối lượng kiến thức tối thiểu và nội dung đào tạo bổ sung là 40 tín chỉ tương ứng với 12 tháng học tập trung, trong đó:

- a) Khối lượng kiến thức về Điều dưỡng: 02 tín chỉ;
- b) Khối lượng kiến thức về thực hành tiền lâm sàng: 03 tín chỉ;
- c) Khối lượng kiến thức chuyên ngành thuộc lĩnh vực Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Hồi sức cấp cứu, Phục hồi chức năng: 28 tín chỉ;
- d) Khối lượng kiến thức chuyên ngành về Y học cổ truyền: 07 tín chỉ.

4. Trên cơ sở khối lượng kiến thức, thời gian tối thiểu và nội dung đào tạo bổ sung quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này và chương trình đào tạo cử nhân y khoa do nước ngoài cấp kèm theo bảng Điểm của người có nhu cầu đào tạo bổ sung, Thủ trưởng cơ sở đào tạo chỉ đạo xây dựng, phê duyệt, ban hành chương trình đào tạo bổ sung theo từng ngành phù hợp với đối tượng đào tạo để có đủ năng lực tương đương bác sỹ của ngành đào tạo tương ứng. Chương trình đào tạo bổ sung phải bảo đảm số tín chỉ về đào tạo thực hành lâm sàng tối thiểu 70% của tổng khối lượng kiến thức chương trình đào tạo.

Điều 6. Kiểm tra đầu vào

1. Người có nhu cầu đào tạo bổ sung phải thực hiện 2 (hai) bài kiểm tra về kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành/chuyên ngành; mỗi bài phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng từ 5 (năm) điểm trở lên theo thang điểm 10 mới được xét tuyển.
2. Hình thức: trắc nghiệm 90 phút hoặc tự luận 120 phút.
3. Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định về hình thức, nội dung bài kiểm tra và thông báo công khai trước 45 ngày, kể từ khi nhận hồ sơ đăng ký đào tạo bổ sung.

Điều 7. Chỉ tiêu đào tạo bổ sung

Cơ sở đào tạo xác định chỉ tiêu đào tạo bổ sung hàng năm không vượt quá 20% chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo trình độ đại học của ngành tương ứng trong năm học đó. Chỉ tiêu đào tạo bổ sung không nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo trình độ đại học hàng năm đã được cơ sở đào tạo xác định theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 8. Hình thức, tổ chức và quản lý đào tạo

1. Hình thức đào tạo: tập trung tại cơ sở đào tạo.
2. Cơ sở đào tạo tổ chức quản lý và triển khai đào tạo bổ sung của từng ngành theo chương trình được xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này.
3. Tổ chức kiểm tra, đánh giá các môn học/học phần trong chương trình đào tạo thực hiện theo quy định của quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
4. Quản lý, lưu trữ hồ sơ và tài liệu liên quan của các khóa đào tạo tại đơn vị và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.
5. Quản lý việc cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung theo quy định cấp phát văn bằng chứng chỉ hiện hành.
6. Quản lý người học theo quy chế công tác sinh viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo.